

**BÁO CÁO
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN
NĂM 2020**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

1. Công tác ban hành văn bản quản lý và tuyên truyền phổ biến pháp luật về khoáng sản

a) Các văn bản quản lý đã ban hành

- Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 07/9/2020 của UBND tỉnh về việc khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản là đất đồi làm vật liệu san lấp phục vụ thi công xây dựng công trình, dự án trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 428/UBND-NNTN ngày 06/02/2020 của UBND tỉnh về việc phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về cát, sỏi lòng sông;

- Công văn số 443/UBND-NNTN ngày 07/02/2020 của UBND tỉnh về việc quản lý thi công các dự án cải tạo đất làm trang trại, gia trại và vườn tạp, kết hợp thu hồi đất dư thừa làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 551/UBND-CNXD ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 746/UBND-NNTN ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 1280/UBND-NNTN ngày 26/3/2020 của UBND tỉnh về việc kiểm tra xử lý hoạt động khai thác vàng trái phép tại huyện Tây Trà;

- Công văn số 1745/UBND-NNTN ngày 21/4/2020 của UBND tỉnh về việc công tác quy hoạch, lập kế hoạch, tổ chức đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 2052/UBND-NNTN ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản về vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 5018/UBND-NNTN ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác, tập kết bến bãi, kinh doanh khoáng sản và bảo vệ đê điều;

- Công văn số 5133/UBND-NNTN ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ;

- Công văn số 5595/UBND-NNTN ngày 14/11/2020 của UBND tỉnh về việc thực hiện công tác ký quỹ, cải tạo phục hồi môi trường đối với các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 5976/UBND-NNTN ngày 02/12/2020 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản được tiến hành thường xuyên, thông qua việc phối hợp với UBND cấp huyện, thành phố và UBND cấp xã, phường trong công tác kiểm tra và phổ biến pháp luật về khoáng sản tại các địa phương nơi có hoạt động khoáng sản và công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác lập, phê duyệt quy hoạch khoáng sản

- Quyết định số 546/QĐ-UBND ngày 09/8/2017 về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Nhằm tháo gỡ khó khăn trong công tác quản lý, cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh, trong năm 2020 UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo các sở, ngành và địa phương liên quan đến công tác quy hoạch khoáng sản của tỉnh, cụ thể:

+ Công văn số 376/UBND-CNXD ngày 04/02/2020 của UBND tỉnh về việc liên quan đến quy hoạch khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

+ Công văn số 3474/UBND-CNXD ngày 10/02/2020 của UBND tỉnh về việc tham mưu UBND tỉnh thực hiện hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 652/BKHĐT-QLQH ngày 06/02/2020;

+ Công văn số 6248/UBND-CNXD ngày 15/12/2020 của UBND tỉnh về việc rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

3. Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản

a) Công tác tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Trong năm 2020, UBND tỉnh đã bổ sung 08 mỏ cát vào Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 10/7/2018 về Đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông

làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi năm 2019, 2020 tại văn bản số 2098/UBND-NNTN ngày 12/5/2020;

Tuy nhiên, qua rà soát quy định của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và ý kiến Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 3558/ĐCKS-KSMT ngày 31/12/2020 về việc phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về cát, sỏi lòng sông cho thấy Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 10/7/2018 có một số nội dung chưa phù hợp với của Luật Khoáng sản, Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ, do đó UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 802/QĐ-UBND ngày 24/11/2020 về việc bãi bỏ Kế hoạch số 5695/KH-UBND ngày 10/10/2016 về đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi năm 2016-2017 và Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh về đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Quảng Ngãi năm 2019, 2020; Theo đó UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch đấu giá khoáng sản tỉnh Quảng Ngãi năm 2021 trình UBND tỉnh phê duyệt để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản.

b) Công tác tiếp nhận, thẩm định hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản

Trong năm 2020, UBND tỉnh đã tiếp nhận, giải quyết 87 hồ sơ các loại về hoạt động khoáng sản (đá xây dựng; cát, sỏi lòng sông và đất đồi dùng làm vật liệu san lấp mặt bằng công trình, dự án);

Trong đó:

- + Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản 06 hồ sơ;
- + Phê duyệt trữ lượng khoáng sản 10 hồ sơ;
- + Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản 19 hồ sơ;
- + Giấy phép khai thác khoáng sản (cấp mới) 21 hồ sơ;
- + Gia hạn Giấy phép khai thác 01 hồ sơ;
- + Chuyển nhượng Giấy phép khai thác 01 hồ sơ;
- + Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản 02 hồ sơ;
- + Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản 04 hồ sơ;
- + Cấp Bản xác nhận khu vực khoáng sản 23 hồ sơ.

c) Công tác tính, thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Trong năm 2020, phê duyệt 19 hồ sơ đăng ký kê khai nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường (đất, đá, cát sỏi lòng sông; đất sét cải tạo đồng ruộng); với tổng số tiền phê duyệt: 58.006.815.332 đồng; số đã thu, nộp NSNN trong năm 27.062.249.222

đồng (trong đó: tiền trúng đấu giá cát chuyển sang thu trong năm 2020 là 6.084.000.000 đồng).

TT	Tên, loại khoáng sản	Tổng số tiền cấp quyền phê duyệt năm 2020 (đồng)	Số tiền cấp quyền đã thu nộp NSNN (đồng)
1	Đất làm vật liệu san lấp mặt bằng, xây dựng công trình	4.820.841.410	2.447.177.095
2	Cát đấu giá năm 2019 chuyển sang năm 2020		6.084.000.000
2	Đá xây dựng	50.154.152.743	6.742.078.154
	Cấp phép khoáng sản nằm trong công trình, Dự án	628.000.845	628.000.845
3	Đăng kí khối lượng khoáng sản;	2.403.820.334	2.403.820.334
5	Tiền cấp quyền của 20 mỏ đá xây dựng đã nộp trong 2020		8.757.172.795
	Tổng cộng	58.006.815.332	27.062.249.222

4. Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản

a) Về số đợt thanh kiểm tra:

- Tổng số cuộc thanh, kiểm tra: Tổ chức 15 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 18 tổ chức, 01 cá nhân. Qua thanh tra, kiểm tra phát hiện nhiều tổ chức có vi phạm trong hoạt động khoáng sản như: không gửi hồ sơ giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép, khai thác khoáng sản vượt khối lượng, ranh giới cấp phép, sử dụng khoáng sản không đúng mục đích theo giấy phép được cấp, khai thác khoáng sản không có giấy phép.

- Nội dung thanh tra, kiểm tra: Thanh, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản.

b) Kết quả thi hành quyết định XPVPHC:

Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện 04 tổ chức có vi phạm trong hoạt động khoáng sản; Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã xử phạt vi phạm hành chính 3 tổ chức và 01 cá nhân với tổng số tiền phạt 180 triệu đồng.

5. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

Trong năm 2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương có liên quan tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản và bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh tình trạng khai thác cát, sỏi lòng sông trái phép trên địa bàn và chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với UBND cấp xã, phường, thị trấn nghiêm túc triển khai thực hiện Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa

bàn tỉnh Quảng Ngãi.

6. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn và tồn tại

a) Đánh giá chung về những thuận lợi:

- Khoáng sản của tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (đá, cát, sỏi lòng sông và đất đồi làm vật liệu san lấp); các mỏ được cấp phép khai thác bằng phương pháp lộ thiên, thuận lợi trong công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác khoáng sản và công tác cải tạo, phục hồi môi trường, lập hồ sơ thủ tục, trình quyết định đóng của mỏ khoáng sản;

- Hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã dần đi vào nề nếp ổn định; trình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn tỉnh giảm mạnh; việc xác định khoáng sản khai thác thực tế hàng năm tại các mỏ đã từng bước được kiểm soát.

b) Những khó khăn, tồn tại:

- Các qui định của pháp luật về khoáng sản hiện nay còn nhiều bất cập, chưa sát hợp với thực tiễn, chậm sửa đổi, bổ sung, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về khoáng sản tại địa phương (*Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*);

- Nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Theo đó tại dòng 33, Cột 2, Phụ lục II, Mục 1 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, thì đối với các dự án khai thác khoáng sản đều phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (*Không thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường*). Quy định của pháp luật về môi trường không quy định phân nhóm đối với các loại hình khoáng sản, quy mô (lớn, nhỏ), tính chất dự án đầu tư khai thác khoáng sản, đặc biệt là các dự án khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường quy mô nhỏ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh, làm phát sinh quá nhiều nguồn lực, thời gian giải quyết thủ tục hành chính ở cấp tỉnh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

1. Công tác thăm dò khoáng sản

- Trong năm 2020, UBND tỉnh cấp 06 Giấy phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh, trong đó có 02 Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực (*theo Phụ lục I - Mẫu số 37a đính kèm*);

Đối với khoáng sản là cát, sỏi lòng sông; đất san lấp việc cấp giấy phép thăm dò được thực hiện theo Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016, Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 và Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

+ *Phụ lục I: Bảng số liệu tổng hợp về Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực đối với Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh cấp;*

+ *Phụ lục II: Bảng số liệu tổng hợp về kết quả thăm dò khoáng sản đối với Giấy phép do UBND tỉnh cấp;*

2. Công tác khai thác khoáng sản:

- Tổng hợp số lượng Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực;

(Phụ lục III: Bảng số liệu tổng hợp về Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực đối với Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh cấp kèm theo).

- Đánh giá về những kết quả đạt được: Trong năm qua UBND tỉnh đã cấp phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường cho các tổ chức, cá nhân kịp thời; cung ứng rất lớn nguồn VLXD cho việc thi công các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; đồng thời đóng góp nguồn lực góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương;

- Những khó khăn và tồn tại của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản:

+ Đối với các mỏ đã chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác hoặc mỏ đã có quyết định thu hồi Giấy phép; tổ chức, cá nhân chậm triển khai lập hồ sơ, thủ tục, trình phê duyệt đề án và thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản để trả lại đất cho địa phương quản lý, sử dụng.

+ Đối với việc khai thác cát, sỏi lòng sông; tổ chức cá nhân được UBND tỉnh cấp Giấy phép không thực hiện nghiêm túc việc thống kê sản lượng khoáng sản thực tế khai thác theo mẫu, biểu mẫu được hướng dẫn tại Thông tư 61/2017/TT-BTNMT, ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường để đối phó với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản (*nay là Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT, ngày 24/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế*).

- Bảng số liệu tổng hợp về khai thác khoáng sản (*Phụ lục IV kèm theo*).

3. Đánh giá tổng hợp công tác quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông (thực trạng, nguyên nhân, giải pháp).

a) *Thực trạng công tác quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng*

sông:

- Các mỏ cát, sỏi lòng sông tỉnh Quảng Ngãi được thành tạo (tích tụ) dưới dạng các doi cát, bãi bồi ở lòng sông, thềm sông và các con suối đổ vào sông và không bị ngập nước thường xuyên (bãi nổi bán ngập); các sông của tỉnh phần lớn là sông ngắn, dốc, lòng sông hẹp; vì vậy các mỏ cát, sỏi lòng sông thường có quy mô trữ lượng nhỏ (diện tích, trữ lượng nhỏ) và thường bị dịch chuyển vị trí theo mùa (thay đổi diện tích, trữ lượng sau mùa mưa, lũ hàng năm);

- Hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông hiện nay được cấp Giấy phép khai thác thông qua hình thức đấu giá quyền khai thác theo quy định của pháp luật về khoáng sản và Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Để đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Khoáng sản, UBND tỉnh chỉ đạo triển khai tổ chức đấu giá quyền khai thác các mỏ cát, sỏi lòng sông đối với các mỏ chưa có kết quả thăm dò khoáng sản;

- Về Giấy phép khai thác: Trong năm 2020, UBND tỉnh đã cấp 02 Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông thông qua hình thức đấu giá. Hiện nay trên địa bàn tỉnh (đến thời điểm báo cáo) có 05 Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông còn hiệu lực (*Số liệu về Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng sông còn hiệu lực được thống kê tại Phụ lục III*).

- Về công tác kiểm tra trữ lượng khoáng sản thực tế đã khai thác hàng năm tại các mỏ cát gặp rất nhiều khó khăn; các doanh nghiệp không nghiêm túc thực hiện việc đo vẽ lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT, ngày 24/12/2020.

b) Nguyên nhân và giải pháp thực hiện công tác quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông

- Các doanh nghiệp được cấp Giấy phép khai thác các mỏ cát, sỏi lòng sông thường tối đa hóa lợi nhuận, dưới nhiều hành thức: Thực hiện đo vẽ bản đồ hiện trạng chậm trễ thời gian so với yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước, với mục đích kéo dài thời gian gần đến mùa mưa mới thực hiện đo vẽ, nhằm đối phó với việc kiểm tra thực tế độ sâu khai thác (*do mưa, lũ nước sông dâng lên*) đo kiểm tra không được; khai báo thiếu trung thực khối lượng khai thác (*không lập nhật ký, sổ sách chứng từ theo dõi*); gian lận khối lượng khai thác (*thường khai thác quá độ sâu cấp phép ở thời điểm gần mùa mưa và đợi cho mùa mưa lũ về lượng cát được bồi tích trở lại,...khai thác vượt trữ lượng cấp phép*); Các mỏ cát được cấp Giấy phép, bán cát ra ngoài thị trường cho xây dựng dân dụng không xuất hóa đơn, nên rất khó khăn cho công tác kiểm soát khối lượng thực tế khai thác hàng năm; gây thất thoát, lãng phí tài nguyên và thất thu ngân sách nhà nước.

- Giải pháp khắc phục tình trạng như đã nêu trên:

+ Nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác thẩm định Đề án thăm dò cát, sỏi lòng sông và thẩm định, phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong Báo cáo kết quả thăm dò địa chất khoáng sản đối với các mỏ cát, sỏi lòng sông;

+ Tăng cường phối hợp các lực lượng trong công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông; có biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật kịp thời, đủ mạnh, đủ sức răn đe đối với tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản;

+ Kiên quyết xử lý, xử phạt đối với tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác không thực hiện đo vẽ lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản; không thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản và không lập các mẫu, biểu mẫu thống kê sản lượng khoáng sản thực tế khai thác theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT, ngày 24/12/2020.

c) Các giải pháp đã thực hiện nhằm ngăn chặn khai thác khoáng sản trái phép, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông.

- Để ngăn chặn khai thác khoáng sản trái phép, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định 989/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 về việc ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Theo đó, UBND tỉnh đã quy định rất rõ trách nhiệm của người đứng đầu địa phương nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không xử lý hoặc để diễn ra kéo dài phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh;

- Chỉ đạo UBND cấp huyện chủ trì phổ biến và triển khai Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn; chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

- Tăng cường công tác phối hợp kiểm tra cát, sỏi lòng sông trong mùa mưa, kiểm tra xử lý các bến bãi tập kết, trữ cát không phép; chỉ đạo công tác phối hợp kiểm tra, xử lý dứt điểm các hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép ở các địa bàn giáp ranh.

4. Đánh giá tổng hợp công tác bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản (thực trạng, nguyên nhân, giải pháp).

Hiện nay, các mỏ khoáng sản trên địa bàn tỉnh đang hoạt động chủ yếu là các mỏ vật liệu xây dựng thông thường, bao gồm: Mỏ đá, mỏ đất, mỏ cát. Vị trí các mỏ khoáng sản chủ yếu là các khu vực đồi trọc, rừng trồng của người dân và dọc theo lòng sông, bờ sông nên hệ động thực vật nghèo nàn. Do đó, các dự án này ít tác động, ảnh hưởng đến môi trường và đa dạng sinh học. Những tác động của các dự án khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh chủ yếu là ô nhiễm môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung từ các hoạt động nổ mìn, bóc xúc đất đá, xay nghiền sản phẩm và từ các phương tiện vận chuyển vật liệu làm rơi vãi đất, cát trên đường vận chuyển.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm cho thấy về cơ bản các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Hầu hết tất cả các mỏ đều có đầy đủ hồ sơ môi trường (báo cáo đánh giá tác động môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường và phương án phục hồi môi trường) và thực hiện nghiêm túc việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường.

Tuy nhiên, bên cạnh đó việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường của một số tổ chức, cá nhân vẫn còn tồn tại; đặc biệt trong đó vẫn đề không tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận chuyển sản phẩm: chở không đúng quy định, không che bạt, hoặc có che bạt nhưng không đảm bảo làm rơi vãi đất đá, chạy quá tốc độ, không tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đã làm ô nhiễm môi trường không khí gây ảnh hưởng đến người dân; chưa có hồ sơ về quản lý chất thải nguy hại; chưa hoặc chậm ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, thực hiện chưa đảm bảo việc cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

Để chấn chỉnh công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, trong thời gian qua, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc khai thác khoáng sản, kiên quyết xử lý hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Ngoài ra, đối với các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không tuân thủ các quy định về môi trường, UBND tỉnh đã không xem xét cấp mới, gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân này.

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản năm 2020, cụ thể:

TT	Tên các nguồn thu	Tổng tiền	Ghi chú
1	Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2020	19.595.972.287	
2	Tổng số tiền thuế tài nguyên đối với khoáng sản	64.641.881.380	
3	Tổng số tiền phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản	15.106.307.617	
4	Tổng số tiền thuê đất khai thác khoáng sản	31.710.594.789	
	Tổng cộng	131.054.756.073	

III. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI CHỈ THỊ SỐ 03/CT-TTg NGÀY 30/3/2015 VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHỈ THỊ 38/CT-TTG NGÀY 29/9/2020 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. Thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chỉ thị 03/CT-TTg:

a) Công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền

theo quy định của Luật Khoáng sản; hoàn thành việc khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Về việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh: UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Xây dựng tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 tại văn bản số 6248/UBND-CNXD ngày 15/12/2020; tập trung rà soát quy hoạch thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 642/VPCP-NC ngày 23/01/2019 về việc kết quả thực hiện Kế hoạch về cao điểm xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực khai thác cát, sỏi;

- Công tác khoanh định, phê duyệt khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh: Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại nội dung 2, Công văn số 876/TTg-CN ngày 10/7/2018, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1281/QĐ-UBND, ngày 13/8/2018 về việc phê duyệt, công bố Hồ sơ Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Về việc đăng ký khối lượng cát thu hồi trong diện tích các dự án nạo vét, khơi thông luồng theo quy định tại khoản 2, Điều 64 Luật Khoáng sản:

Trong năm 2020, trên địa bàn tỉnh không có doanh nghiệp đăng ký khối lượng cát thu hồi trong diện tích các dự án nạo vét, khơi thông luồng theo quy định tại khoản 2, Điều 64 Luật Khoáng sản.

c) Xây dựng phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn:

Nhằm tăng cường công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 về việc ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh để các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh.

2. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 38/CT-TTg:

Để triển khai thực hiện Chỉ thị 38/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản (*trên cơ sở ý kiến của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 10460/BGTVT-KCHT ngày 16/11/2020 và ý kiến của Tổng cục Lâm nghiệp tại Công văn số 1674/TCLN-KL ngày 17/11/2020*); UBND tỉnh đã ban hành văn bản chỉ đạo các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Chỉ thị 38/CT-TTg tại văn bản số 5976/UBND-NNTN ngày 02/12/2020.

IV. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG NƠI KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang

sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản:

Các tổ chức, cá nhân được UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác đã thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi đầy đủ, kịp thời, đúng pháp luật; trong năm không có tình trạng khiếu nại, tố cáo do công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư về sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản.

2. Số lao động sử dụng và thu nhập bình quân/năm:

Số lao động sử dụng bình quân trong năm khoảng 1.200 lao động; thu nhập bình quân 84 trđ/người/năm.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống):

Đối với các mỏ khai thác đá làm VLXD thông thường hầu hết đã đầu tư nâng cấp; thâm nhập nhựa hoặc cấp phối đá đoạn đường từ mỏ ra đến đường giao thông chính trong khu vực; riêng đối với các mỏ khai thác đất làm vật liệu san lấp; khai thác cát, sỏi lòng sông do có thời hạn khai thác ngắn (dưới 3 năm), các chủ mỏ đầu tư nâng cấp bằng hình thức san gạt, rải đá mi, bụi gia cố mặt đường.

4. Xây dựng công trình công (trường học, nhà trẻ.....):

Trong năm 2020, nhiều có nhiều doanh nghiệp khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã trực tiếp hỗ trợ kinh phí, vật liệu cho các địa phương để đầu tư làm đường bê tông nông thôn, phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

5. Bảo vệ môi trường trong khai thác và phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản:

Công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác đã được các chủ mỏ quan tâm thực hiện; đối với các mỏ sau khi kết thúc khai thác được các chủ mỏ tiến hành công tác cải tạo, phục hồi môi trường và lập thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định;

Tuy nhiên vẫn còn một số doanh nghiệp sau khi Giấy phép khai thác chấm dứt hiệu lực hoặc bị thu hồi Giấy phép chậm triển khai lập hồ sơ, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản.

V. CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Quy định của pháp luật về môi trường không quy định quy mô (lớn, nhỏ) đối với cấp phép khai thác cát, sỏi lòng sông; các dự án khai thác cát, sỏi lòng sông phải thực hiện lập, trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, làm phát sinh quá nhiều nguồn lực, thời gian giải quyết thủ tục hành chính ở cấp tỉnh; cụ thể:

- Làm gia tăng số lượng dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường; gia tăng tầng suất, thời gian, trách nhiệm phải giải quyết (TTHC) của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động

môi trường dự án đầu tư khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh;

- Làm gia tăng trách nhiệm của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về môi trường ở cấp tỉnh (thay vì trước đây giao cho cấp huyện thực hiện xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường,...);

Từ những nội dung như đã nêu trên, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- (1) Cần xem xét quy định việc lập hồ sơ môi trường (báo cáo đánh giá tác động môi trường) đối với các trường hợp khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường (cát, sỏi lòng sông; đất đồi làm vật liệu san lấp) có quy mô trữ lượng khai thác nhỏ cho phù hợp với thực tế.

- (2) Sửa đổi, bổ sung một số nội dung không phù hợp với thực tiễn quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- (3) Về phương thức thu, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 4, Điều 9, Nghị định 67/2019/NĐ-CP của Chính phủ có nhiều khả năng dẫn đến thất thoát tài nguyên, thất thu ngân sách nhà nước (*tiền cấp quyền, thuế tài nguyên và phí bảo vệ môi trường*); Vì vậy đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, trình Chính phủ giao cho địa phương tiếp nhận, tính, thẩm định, quyết định phê duyệt tiền cấp quyền đối với trường hợp đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 64 Luật Khoáng sản trước khi cấp Bản xác nhận đăng ký khu vực khoáng sản;

- (4) Ban hành các quy định liên quan nhằm tạo hành lang pháp lý cho phép các địa phương (cấp xã) được khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới của địa phương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (p/h);
- Cục Kiểm soát hoạt động khoáng sản Miền Trung (p/h);
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương;
- VPUB: PCVP(NN), CN-XD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc52).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

Phụ lục I

BẢNG SỔ LIỆU TỌA ĐỘ VÀ GIẤY PHÉP THÂM ĐÒ KHOẢNG SẢN CÒN HIỆU LỰC
(Kèm theo Báo cáo số 35.../BC-UBND ngày 01/ 3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Mẫu số 37a

STT	Số giấy phép	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí hành chính khu vực thăm dò	Diện tích thăm dò (ha)	Ghi chú
I	Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường						
1	3491/GP-BTNMT	14/11/2018	Quặng thiếc – kim loại hiếm	Công ty TNHH Hương Hải – Quảng Ngãi (Điều chỉnh tên thành Công ty Cổ phần Hương Hải – Quảng Ngãi theo Quyết định số 123/QĐ-BTNMT ngày 18/01/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Khu vực Đồng Rằm – La Vi thuộc xã Ba Khâm và xã Ba Trang, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	440,06	
II	Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp						
1	02/GP-UBND	08/01/2021	Đá làm VLXD	Công ty TNHH MTV TM và ĐT An Phú Vinh	Thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	17,5	
2	07/GP-UBND	20/01/2021	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV VT Phúc Bảo An	Xã Hành Thiện, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	3,4	



PHỤ LỤC II
BẢNG SỐ LIỆU TỔNG HỢP VÀ KẾT QUẢ THẨM ĐÒ KHOẢNG SẢN ĐỐI VỚI GIẤY PHÉP UBND
TỈNH CẤP

(Kèm theo Báo cáo số 35../BC-UBND ngày 01./3./2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Số Quyết định	Ngày cấp	Loại khoáng sản	Diện tích thăm dò (ha)	Vị trí hành chính khu vực được cấp phép	Trữ lượng khoáng sản được phê duyệt (m ³)		Ghi chú
						Cấp 121	Cấp 122	
1	24/QĐ-UBND	14/01/2020	Đất làm VL.SL	8,828	Núi Lóng Sáo, xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi		811.563	
2	198/QĐ-UBND	31/3/2020	Đất làm VL.SL	3,32	Núi Tròn, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi		113.212	
3	281/QĐ-UBND	23/4/2020	Đá làm VLXD	11	Xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	909.476		
4	288/QĐ-UBND	29/4/2020	Đá làm VLXD	14,9	Phước Hòa, xã Bình Trị và Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	4.000.033		
5	414/QĐ-UBND	30/6/2020	Đất làm VL.SL	2,061	Thôn Hòa Bình, xã Tịnh Ân Đông, thành phố Quảng Ngãi		168.082	
6	595/QĐ-UBND	25/9/2020	Đá làm VLXD	9,99	Hòn Gai, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	4.655.739	990.000	

7	677/QĐ-UBND	09/10/2020	Đất làm VLSS	3,2367	Tổ dân phố Nước Rạc, thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	188.350	
8	908/QĐ-UBND	25/12/2020	Đất làm VLSS	7,34	Núi Bé, xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	349.845	
9	913/QĐ-UBND	26/12/2020	Đất làm VLSS	2,0	Núi Hòn Gió, Thôn 5, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	148.318	
10	02/QĐ-UBND	05/01/2021	Đất làm VLSS	14,87	Núi Hóc Hồ, xã Bình Thanh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	1.053.605	

Phụ lục III

BẢNG SỔ LIỆU TỔNG HỢP VỀ GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CÒN HIỆU LỰC

(Kèm theo Báo cáo số 35.../BC-UBND ngày 01/11/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Mẫu 37 b

STT	Số giấy phép, ngày cấp	Loại khoáng sản	Tên đơn vị được cấp phép	Vị trí khu vực khai thác	Thời hạn	Diện tích khai thác (ha, m ²)	Trữ lượng (m ³)	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Đầu giá hay không đầu giá	Ghi chú
I Giấy phép thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường										
1	1174/GP-BTNMT, ngày 13/4/2018 (Gia hạn)	Điểm lộ 601, Nước khoáng Thạch Bích	Công ty CP đường Quảng Ngãi	Xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	10	17.840m ²	Cấp B: 196 m ³ /ngày; Cấp C1: 246 m ³ /ngày	196 m ³ /ngày	Không đầu giá	
2	30/GP-BTNMT ngày 09/01/2017	Nước khoáng tại LKBD1		Thôn Đông Bình, xã Trà Bình, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	27	LKBD1	Cấp B 594 m ³ /ngày	130 m ³ /ngày	Không đầu giá	
II Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp										
1	2260/QĐ-UBND, ngày 16/08/2005; Gia hạn số 486/QĐ-UBND ngày 09/04/2015	Đá làm VLXD	Công ty CP XD & KTVLXD Miền Trung	Xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12	6,9	178.760	60.000	Không đầu giá	
2	1266/QĐ-UBND, ngày 28/07/2008; Gia hạn số	Đá làm VLXD	Công ty CP Phát triển Cơ sở Hạ tầng Quảng	Xã Bình Thanh Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng	10	4,57	810.000	50.000	Không đầu giá	

	418/QĐ-UBND, ngày 27/11/2014				Ngãi								
3	08/GP-UBND, ngày 24/12/2020	Đá làm VLXD	Công ty CP ABH Hà Nội		Xã Bình Trị và Bình Đông huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	13	14,83	3.494.925	250.000	Không đấu giá			
4	1417/QĐ-UBND, ngày 20/10/2010; Gia hạn số 2597/QĐ-UBND, ngày 13/12/2016	Đá làm VLXD	Công ty CP Xây dựng Đô thị và Khu Công nghiệp		Xã Bình Đông, huyện Bình Sơn	01/12/2020	11,2	460.191	200.000	Không đấu giá	Đang lập hồ sơ cấp lại Giấy phép		
5	518/QĐ-UBND, ngày 02/04/2010	Đá làm VLXD	Công ty CP Dầu tư Xây dựng Tân Ốc Đảo		Bình Nguyên, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	14	6,85	1.761.187	120.000	Không đấu giá			
6	1737/QĐ-UBND, ngày 23/10/2008; Gia hạn số 67/GP- UBND ngày 23/12/2020	Đá làm VLXD	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi		Xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đến hết ngày 23/10/2030	6,2	640.854	49.000	Không đấu giá			
7	52/GP-UBND, ngày 25/07/2016	Đá làm VLXD	Công ty TNHH MTV TM và ĐT An Phú Vinh Quảng Ngãi		Thôn Trì Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	10	8.434	1.916.383	100.000	Không đấu giá			
8	1005/QĐ-UBND, ngày 05/07/2012	Đá làm VLXD	Công ty TNHH Thành Long		Hang Hùm - Gò Dê, xã Bình Thanh Đông-Bình Hòa, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	11	8,5	1.223.726	110.000	Không đấu giá			
9	2162/QĐ-UBND, ngày 03/08/2005	Đá làm VLXD	Công ty CP Khoáng sản và Dầu tư Sài		Chập Tỏi, xã Bình Mỹ, huyện Bình	Đến hết ngày	27	1.777.778	100.000	Không			

			Gòn	Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	01/02/2030					đầu giá	
10	33/GP-UBND, ngày 29/05/2017	Đá làm VLXD	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Minh Đức	Xã Bình Đông và Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	10	6,1	788.500	80.000	Không đầu giá		
11	45/GP-UBND, ngày 18/10/2019	Đá làm VLXD	Công ty CP Thương mại và Khai thác khoáng sản CDC Hà Nội	Bình Đông 1, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Đến hết ngày 17/08/2027	9,6	496.913	50.000	Không đầu giá		
12	32/GP-UBND, ngày 29/05/2017	Đá làm VLXD	Công ty TNHH Khai thác Hưng Thịnh	Đông Bình, xã Bình Chánh, tỉnh Quảng Ngãi	11	5,36	648.456	60.000	Không đầu giá		
13	1988/QĐ-UBND, ngày 27/11/2012	Đá làm VLXD	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Thôn Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	12	21,8	3.022.818	180.000	Không đầu giá		
14	11/GP-UBND, ngày 06/03/2015	Đá làm VLXD	Công ty CP LICO GI Quảng Ngãi	Núi Cà Ty, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	23	18	2.000.000	130.000	Không đầu giá		
15	60/GP-UBND, ngày 06/09/2018	Đá làm VLXD	Công ty Cổ phần 504	Gò Bè, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	10	5,4	503.337	48.000	Không đầu giá		
16	31/GP-UBND, ngày 09/07/2015	Đá làm VLXD	Công ty CP Xây dựng công trình Quảng Ngãi	Thế Lợi, xã Tịnh Phong, Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	12	4,6	551.815	45.000	Không đầu giá		
17	39/GP-UBND, ngày 21/07/2020	Đá làm VLXD	Công ty TNHH Đại Long	An Hội, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng	30	29,9	6.101.700	203.390	Không đầu giá		

18	1000/QĐ-UBND, ngày 23/7/2010	Đá làm VLXD	Công ty Xây dựng Thương mại Sông Vệ	Ngãi Hòn Gai, xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	10	19,9	750.000	75.000	Không đấu giá	Đang lập lại hồ sơ cấp lại Giấy phép
19	55/GP-UBND, ngày 03/12/2015	Đá làm VLXD	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Núi Máng, xã Nghĩa Phương, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	8	4,4	53.250	5.300	Không đấu giá	
20	311/QĐ-UBND, ngày 27/01/2003	Đá làm VLXD	Công ty CP đá Mỹ Trang	Mỹ Trang, xã Phò Hoà, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	25	30	2.168.203	98.000	Không đấu giá	
21	19/GP-UBND, ngày 10/04/2019	Đá làm VLXD	Công ty QL và SC đường bộ Quảng Ngãi	Phò Phong, xã Phò Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	12	6,5	173.611	62.500	Không đấu giá	
22	20/GP-UBND, ngày 09/04/2020	Đá làm VLXD	Công ty TNHH MTV Hoàng Nguyễn Hải	Vạn Lý, xã Phò Phong, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	27	6	2.275.689	100.000	Không đấu giá	
23	32/GP-UBND, ngày 18/07/2019	Đá làm VLXD	Công ty TNHH MTV Tuấn Tháo Gia Lai	Đèo Bình Đê, xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Đến hết ngày 28/12/2024	3,59	527.210	50.000	Không đấu giá	
24	22/GP-UBND, ngày 21/03/2017	Đá làm VLXD	Công ty CP QL và XD Đường bộ Bình Định	Đèo Bình Đê, xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	18	3,8	343.014	20.000	Không đấu giá	
25	30/GP-UBND, ngày 15/05/2017	Đá làm VLXD	Công ty TNHH Xây dựng Đồng Tâm	Trà Dinh, Trà Lãnh, huyện Tây	Đến hết ngày	1,94	210.901	20.000	Không	

				Trà, tỉnh Quảng Ngãi	01/06/2024					đầu giá	
26	21/GP-UBND, ngày 06/04/2016	Đá làm VLXD	Công ty CP XD Giao thông Quảng Ngãi	Hóc Kè, xã Ba Đông, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	10	2	527.210	50.000		Không đầu giá	
27	08/GP-UBND, ngày 28/02/2019	Đá làm VLXD	Công ty TNHH Khai thác đá Thiên Thịnh	Phước Hòa 2, xã Bình Trị và xã Bình Đông, tỉnh Quảng Ngãi	17	11,1	1.760.064	100.000		Không đầu giá	
28	02/GP-UBND, ngày 11/01/2017	Puzolan	Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO tại Quảng Ngãi	núi Dầu Voi, xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Đến hết ngày 01/01/2045	6,5	448.042	15.000		Không đầu giá	
29	05/GP-UBND, ngày 19/01/2016	Đá Bazan	Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Long	đèo Bà Tê, xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Đến hết ngày 01/01/2023	3,3	325.522	40.000		Không đầu giá	
30	15/GP-UBND, ngày 27/03/2020; Gia hạn số 71/GP-UBND ngày 29/12/2020	Đá làm VLXD	Công ty CP Khoáng sản Thiên Lộc Phát	thôn 3, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	Đến hết ngày 31/12/2020	1,285	125.000	15.000		Không đầu giá	
31	08/GP-UBND, ngày 17/03/2020	Đá làm VLXD	Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Vạn Tường – Xí nghiệp 309	núi Chóp Chài, xã Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	8	7,25	801.010	100.000		Không đầu giá	
32	40/GP-UBND, ngày 21/07/2020	Đá làm VLXD	Công ty TNHH Xây dựng Dầu tư và Thương mại Lộc	Hố Chuối, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng	30	17,899	3.000.000	100.000		Không đầu giá	

			Thịnh	Ngãi									
33	01/GP-UBND ngày 08/01/2021	Đá làm VLXD	Công ty CP thương mại và Khai thác khoáng sản CDC Hà Nội	Ngãi Bình Đông, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	16,5	11,0	892.597	50.000	Không đầu giá				
34	05/GP-UBND, ngày 09/08/2013; QĐ điều chỉnh số 441/QĐ-UBND ngày 22/6/2017	Đất làm VLSL	Công ty TNHH VSIP Quảng Ngãi	Đất Thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh	4	64,1728	5.130.090	1.500.000	Không đầu giá				
35	04/GP-UBND, ngày 22/01/2018	Đất làm VLSL	Công ty CP Dầu tư 706	Núi Hố Ao, thôn Lệ Thủy, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	4	3,787	348.059	95.000	Không đầu giá				
36	08/GP-UBND, ngày 12/02/2018; Giã hạn số 06/GP- UBND ngày 24/2/2020	Đất làm VLSL	DNTN XD và TC Cơ giới Việt Linh	Núi Gò Lau, Tổ đơn phố 3, thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức	2	5,0	220.573	95.000	Không đầu giá				
37	22/GP-UBND, ngày 27/03/2018	Đất làm VLSL	Công ty TNHH TM VT Hân Nga	Núi Ngang, thôn Hà Trung và Hà Nhai, xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh	3	3,5	158.335	50.000	Không đầu giá				
38	38/GP-UBND, ngày 11/06/2018	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV 19/5	Thôn Châu Me, xã Bình Châu, huyện Bình Sơn	3	5,96	324.681	108.227	Không đầu giá				
39	01/GP-UBND, ngày 09/01/2019	Đất làm VLSL	Công ty CP Đầu tư Xd Phú Mỹ	Thôn La Vân, xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ	3	8,358	503.781	167.927	Không đầu giá				
40	30/GP-UBND,	Đất làm	Công ty TNHH	Rừng Đồi, thôn	2	33,855	153.215	80.000	Không				

	ngày 11/06/2019	VLSL	MTV Xây dựng và Thương mại Toàn Thịnh	Kỳ Thọ Nam 1, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành					dầu giá	
41	Giấy phép 14/GP-UBND ngày 24/02/2017; Điều chỉnh số 537/QĐ-UBND, ngày 09/07/2019	Đất làm VLSL	Công ty CP TM Phú Trường	Núi Lệ Thủy, thôn Lệ Thủy, xã Tĩnh Châu, thành Phố Quảng Ngãi	2,5	5.246	177.849	70.000	Không dầu giá	
42	33/GP-UBND, ngày 18/07/2019	Đất làm VLSL	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Trần Gia Hân	Gò Thủ, thôn An Hội Nam 2, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa	1,5	60.526	116.435	80.000	Không dầu giá	
43	39/GP-UBND, ngày 20/09/2019	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Trọng Thư	Thôn Hiền Văn, xã Phố Hòa, huyện Đức Phổ	2,5	2.94	239.864	90.000	Không dầu giá	
44	41/GP-UBND, ngày 27/09/2019	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Cơ giới và Xây lắp Việt Đức	Núi Ông Doài, thôn Khánh Lâm, xã Tịnh Thiện, thành phố Quảng Ngãi	3	5,05	230.712	78.000	Không dầu giá	
45	40/GP-UBND, ngày 27/09/2019	Đất làm VLSL	Công ty CP DT 706	Núi Hố Khách, thôn Hòa Bình, xã Tịnh Ấn Đông, thành phố Quảng Ngãi	27 tháng	2,5064	207.092	92.000	Không dầu giá	
46	43/GP-UBND, ngày 03/10/2019	Đất làm VLSL	Công ty TNHH TM-DV Tân Hữu Phú	Đèo Bình Đê, thôn Vĩnh Tuy, xã Phố Châu, huyện Đức Phổ	2	2,1	63.861	30.000	Không dầu giá	


47	44/GP-UBND, ngày 14/10/2019	Đất làm VLSL	Công ty TNHH XD và TM Quốc Tiến	Thôn 4, xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức	2 năm 9 tháng	3,0	262.867	90.000	Không đấu giá
48	48/GP-UBND, ngày 25/12/2019; QĐ điều chỉnh số 296/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Hiệp Hưng	Xã Đức Nhuận và Đức Hiệp, huyện Mộ Đức	2 năm 9 tháng	3,0	116.474	42.000	Không đấu giá
49	15/GP-UBND, ngày 19/3/2019	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV ĐT XD, Kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi	núi Diệp, xã Đức Nhuận và Đức Hiệp, huyện Mộ Đức	3,2	5,44	403.114	130.000	Không đấu giá
50	21/GP-UBND, ngày 14/4/2020	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV XD Phú Gia Thịnh	Đông Lụa, thôn Thế Lợi, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tĩnh	3	5,1	309.647	110.000	Không đấu giá
51	07/GP-UBND, ngày 25/02/2020	Đất làm VLSL	Công ty CP XD Công nghệ Dịch vụ Thái Khang	thôn Kim Lộc, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	03 năm 09 tháng	8,4	552.960	150.000	Không đấu giá
52	01/GP-UBND, ngày 17/01/2020	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Phú Điện	thôn Tân Lập, xã Hành Nhân, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	4,5	11,87	796.651	190.000	Không đấu giá
53	38/GP-UBND, ngày 17/07/2020	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV XD Phú Gia Thịnh	Xóm 1, thôn Phước Thọ 1, xã Bình Phước, huyện Bình Sơn	5	11,1	597.866	120.000	Không đấu giá
54	27/GP-UBND, ngày 18/5/2020	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Tuần Đạt	Cám Diệp, tổ dân phố La Vân, phường Phố Thạnh, thị xã Đức	2	3,45	99.719	60.000	Không đấu giá

				Phố							
55	31/GP-UBND, ngày 17/6/2020	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Hà Văn	Núi Đất, thôn Tú Son 2, xã Đức Lân, huyện Mộ Đức	3,6	4,933	333.762	100.000	Không đầu giá		
56	42/GP-UBND, ngày 11/8/2020	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV Sản xuất và Kinh doanh Long Anh	Thôn Làng Giầy - Độc Mốc 1, xã Ba Cung, huyện Ba Tơ	3	1,577	87.140	30.000	Không đầu giá		
57	48/GP-UBND, ngày 27/08/2020	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Thiên Lộc Phát	Hố Hóc Ngày, thôn An Chi Tây, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành	4	5,3	265.588	70.000	Không đầu giá		
58	59/GP-UBND, ngày 02/11/2020	Đất làm VLSL	Công ty CP Phát triển hạ tầng Lũng Lô 251	Núi Chối, thôn Kim Lộc, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	3 năm 4 tháng	6,754	318.789	98.000	Không đầu giá		
59	69/GP-UBND, ngày 07/11/2018	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Lý Tuấn	Dòng Cây Dừa, Xóm 1, thôn Phước Bình, xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn	5 năm 6 tháng	3,0	493.415	90.000	Không đầu giá		
60	31/GP-UBND, ngày 11/07/2019	Đất làm VLSL	Công ty TNHH MTV XD và Thương mại Lê Nguyễn	Núi Đỉnh Mèo, thôn Diên Lộc, xã Bình Tân, huyện Bình Sơn	3,5	3,42	309,381	90.000	Không đầu giá		
61	62/GP-UBND, ngày 24/11/2020	Đất làm VLSL	Công ty TNHH Hoàng Hải	Núi Chối, thôn Kim Lộc, xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi	4	3,363	154.018	40.000	Không đầu giá		

62	66/GP-UBND, ngày 22/12/2020	Đất làm VLSL	Công ty Cổ phần Đầu tư 706	Núi Hòn Một, thôn Tân An, xã Tĩnh Đông, huyện Sơn Tịnh	4	8,0559	743.288	195.000	Không đấu giá
63	47/GP-UBND, ngày 19/12/2019	Cát làm VLXD	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Lũng Lô 251	Thôn Phước Lộc, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh	2	3,8	82.612	42.000	Đấu giá
64	25/GP-UBND, ngày 04/04/2018	Cát làm VLXD	Công ty CP SX TM và Dv Đại Nguyên	Cát, Tò dân phố Vạn Mỹ, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa	3	8,261	119.235	40.000	Đấu giá
65	43/GP-UBND, ngày 21/06/2018	Cát làm VLXD	Công ty CP ĐT XD Phú An Lộc	Cát, Thôn Thạch An, xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn	23 tháng	6,42	76.928,78	38.500	Đấu giá
66	14/GP-UBND, ngày 15/03/2019	Cát làm VLXD	Công ty CP ĐT Phát triển Hợp Nghĩa	Cát, Thôn 6, xã Nghĩa Dũng, thành phố Quảng Ngãi	3	11,4	219.418	74.000	Đấu giá
67	22/GP-UBND, ngày 17/04/2020	Cát làm VLXD	Công ty TNHH MTV XD Phú Gia Thịnh	thôn Diên Niên, xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh	1	3,5	22.646	22.646	Đấu giá

Phụ lục IV

BẢNG SỔ LỆU TỔNG HỢP VỀ HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 (Kèm theo Báo cáo số 15.../BC-UBND ngày 17/3/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



STT	Loại khoáng sản	S.lượng KS nguyên khai (tấn, m ³)	Khối lượng KS đã X.khẩu (tấn, m ³)	Tiền cấp quyền KTKS (đồng)	Đền trả Đ.giá quyền KTKS (đồng)	Tổng doanh thu (đồng)	Thuế tài nguyên (đồng)	Thuế xuất khẩu KS (đồng)	Thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)	Tiền ký quỹ P. môi trường (đồng)	Phí bảo vệ môi trường (đồng)	Số lao động S.dụng (người)	Ghi chú
1	Đá làm VLXD	1.743.053,30	0			247.189.231.248		0	2.303.045.727	3.600.000.000		513	
						5.981.463.092		0	0				
2	Cát làm VLXD	250.958,44	0	19.595.972.287	0	16.548.786.436	64.641.881.380	0	33.115.905	3.300.000.000	15.106.307.617	76	
								0	0				
3	Đất làm VL.SL	1.197.489,34	0									88	
4	Nước khoáng	64.636,50	0	418.509.000	0	324.170.158.452	2.100.686.250	0	212.500.000.000	10.000.000	161.591.250	6	